|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2019/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

1. Sửa đổi Điều 41 như sau:

**"Điều 41. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

1. Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Lâm nghiệp. Các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thực hiện đồng thời với quyết định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại các Điều 19, 20, 21 Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp; Chính phủ giao Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án cấp thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp đồng thời với phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với các dự án cấp thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 41a bổ sung của Nghị định này. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

a) Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; báo cáo đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng; xác nhận của Tư lệnh Quân khu trở lên đối với dự án quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đối với dự án an ninh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41a bổ sung của Nghị định này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm định, lập hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Hồ sơ gồm: Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; tài liệu chứng minh sự phù hợp của dự án với quy hoạch Lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngay nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xem xét gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: Tờ trình của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, ban, ngành liên quan xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng;

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

e) Đối với trường hợp đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện theo quy định tại khoản này.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đối với các trường hợp không quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

a) Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích thuộc chủ rừng là tổ chức. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; báo cáo đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Hồ sơ gồm: Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; tài liệu chứng minh sự phù hợp của dự án với quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích thuộc chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; báo cáo đề xuất dự án đầu tư theo quy định định của pháp luật về đầu tư, văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét; Hồ sơ gồm: Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; tài liệu chứng minh sự phù hợp của dự án với quy hoạch Lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

e) Đối với trường hợp đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện theo quy định tại khoản này."

2. Bổ sung Điều 41a như sau:

**"Điều 41a.** **Tiêu chí xác định dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên**

1. Dự án quan trọng quốc gia được xác định theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia là các dự án thuộc một trong các tiêu chí sau:

a) Dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Đầu tư công năm 2019;

b) Dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh sử dụng ngân sách an ninh quốc phòng; các dự án nhằm kịp thời thực hiện nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

3. Dự án cấp thiết có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là các dự án thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

a) Dự án phục vụ bố trí, sắp xếp dân cư trong kế hoạch đầu tư công, được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận không có phương án bố trí, lựa chọn vị trí khác mà phải sử dụng đất rừng tự nhiên;

b) Dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (giao thông; thuỷ lợi; cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác; bưu chính, viễn thông; y tế, văn hóa, giáo dục; nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin, phát thanh, truyền hình...); trụ sở cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức khác;

c) Các dự án đầu tư công thuộc các lĩnh vực: Dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; công nghiệp điện; khai khoáng; đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội và xây dựng công trình công cộng khác;

d) Dự án đầu tư công nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; nhiệm vụ cấp bách đối ngoại theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

đ) Dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật và đang triển khai thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2019, sau khi rà soát, nhưng không có phương án điều chỉnh mà vẫn cần thiết phải chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên để tiếp tục thực hiện;

e) Các dự án khác được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2020.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, NN (2b).KN | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |